

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2018**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Nghị định 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính Phủ về chính sách chi trả DVMTR; Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng; Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;

Xét đề nghị của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh tại Tờ trình số 19/TTr-QBVPTR ngày 09/07/2018 (Kèm Biên bản họp thẩm định kế hoạch chi trả DVMTR năm 2018 do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì ngày 30/5/2018 và Biên bản thống nhất Kế hoạch thu, chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018 của Hội đồng quản lý Quỹ ngày 02/7/2018).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh năm 2018 như sau:

1. Kế hoạch thu tiền dịch vụ môi trường năm 2018: 6.760.958.250 đồng.

Trong đó:

- Nguồn vượt thu 2017: 566.155.000 đồng.

- Kế hoạch thu năm 2018: 6.194.803.250 đồng

2. Kế hoạch chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018:

- a. Chi quản lý Quỹ (10%): 676.095.825 đồng
 - b. Trích quỹ dự phòng (5%): 338.047.913 đồng
 - c. Chi trả cho các chủ rừng thuộc lưu vực cung ứng dịch vụ môi trường rừng; các chủ rừng vùng giáp ranh lưu vực có nguồn thu lớn và đối tượng khác:
 - Ban QLR phòng hộ Sông Ngàn Phố: 2.041.140.000 đồng;
 - Ban QLR phòng hộ Sông Ngàn Sâu: 173.585.000 đồng;
 - Công ty TNHH MTV LN và DV Chúc A: 428.011.000 đồng;
 - Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn: 140.452.938 đồng;
 - Ban Quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ (Chi trồng cây xung quanh hồ Kê Gõ và Đền thờ Cố Tổng Bí thư Lê Duẩn): 300.000.000 đồng;
 - Chi trồng cây xanh, cây bóng mát, cây cảnh quan môi trường, cây phân tán cho các xã nông thôn mới và khu đô thị trên địa bàn tỉnh (do Chi cục kiểm lâm thực hiện): 1.320.771.812 đồng;
 - Chi trồng cây xanh, cây bóng mát, cây cảnh quan môi trường, cây phân tán trên địa bàn huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và khu công nghiệp (do Chi cục Kiểm lâm thực hiện): 1.020.767.763 đồng
 - Chi thực hiện rà soát lưu vực, xác định diện tích bên cung ứng dịch vụ môi trường rừng (do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng chủ trì): 600.000.000 đồng.
- (Chi tiết có các Phụ lục kèm theo)*

Điều 2. Căn cứ kế hoạch thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng được duyệt, giao các đơn vị sau đây có trách nhiệm:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo thẩm quyền hướng dẫn các đơn vị chủ rừng lập Kế hoạch chi tiết sử dụng tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng năm 2018, thẩm định và phê duyệt để triển khai thực hiện; Làm đầu mối tổ chức việc nghiệm thu, đánh giá số lượng, chất lượng rừng cho các đơn vị chủ rừng là tổ chức làm cơ sở để thanh, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo quy định.
- Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh triển khai thực hiện các nhiệm vụ thu, chi được giao; Hướng dẫn các đơn vị chủ rừng, địa phương liên quan về hồ sơ, thủ tục chi trả; Tổ chức kiểm tra kết quả bảo vệ cung ứng dịch vụ môi trường của các chủ rừng và Thực hiện việc thanh, quyết toán tiền chi trả dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.
- Hạt Kiểm lâm Hương Khê hướng dẫn các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn các xã Hương Vĩnh, Hương Liên, Hương Lâm thực hiện công tác bảo vệ, phát triển rừng trong lưu vực theo đúng quy định.

- Đối với các đơn vị chủ rừng (chủ đầu tư) có hạng mục xây dựng cơ bản từ nguồn chi trả dịch vụ môi trường rừng, giao chủ đầu hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ liên quan theo trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định; nếu vượt thẩm quyền, báo cáo UBND tỉnh xem xét quyết định.

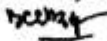
- Các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh thực hiện thu, chi tiền dịch vụ môi trường rừng theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển; Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh; Hạt trưởng Hạt Kiểm Lâm Hương Khê; Các đơn vị có tên tại các Phụ lục kèm theo và Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp & PTNT (để B/c);
- Quỹ Bảo vệ & PTR Việt Nam;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để B/c);
- Kho bạc Nhà nước tỉnh;
- Phó VP UBND tỉnh (phụ trách);
- Trung tâm CB-TH tỉnh;
- Lưu: VT, NL₃.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Đặng Ngọc Sơn

KẾ HOẠCH THU, CHI TIỀN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG NĂM 2018*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 7/2018 của UBND tỉnh)***I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH THU, CHI**

- Căn cứ Nghị định: 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính Phủ về chính sách chi trả DVMTR, Nghị định 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 99/2010/NĐ-CP;
- Căn cứ Thông tư 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ NNPTNT về việc Hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;
- Căn cứ Thông tư 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính về việc Hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng;
- Căn cứ Công văn số 10292/BNN-TCLN ngày 12/12/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc điều chỉnh giá điện của các đơn vị sản xuất thủy điện theo đơn giá là 36 đồng/kWh điện thương phẩm;
- Căn cứ Tờ đăng ký kế hoạch nộp tiền dịch vụ môi trường rừng của các đơn vị.

II. TỔNG HỢP KẾ HOẠCH THU CHI

STT	Nội Dung	Số tiền (đồng)
[1]	[2]	[3]
I	Kế hoạch thu	6.760.958.250
1	Thu điều phối từ Quỹ BV&PTR Việt Nam	419.404.000
2	Thu nội tỉnh	6.341.554.250
3	Thu lãi tiền gửi	
II	Kế hoạch chi	6.760.958.250
1	Chi quản lý (10%)	676.095.825
2	Trích dự phòng (5%)	338.047.913
3	Chi trả cho bên cung ứng DVMTR (85%)	5.746.814.513

III. Chi tiết kế hoạch thu

TT	Bên sử dụng DVMTR	Đơn vị	Số vượt thu năm 2017	Kế hoạch thu tiền DVMTR năm 2018			Tổng cộng	Ghi chú
				Sản lượng/ doanh thu	Mức chi trả	Thành tiền		
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]=[6]*[5]	[8]=[7]+[4]	[9]
1	Cơ sở sản xuất thủy điện	kwh						
a	Công ty Cổ phần Thủy điện Hương Sơn		526.109.000	100.000.000	36	3.600.000.000	4.126.109.000	
b	Công ty cổ phần Thủy điện Kè Gỗ		24.613.000	8.000.000	36	288.000.000	312.613.000	
c	Công ty CP Thủy điện Hồ Bồn		19.408.000	11.111.000	36	399.996.000	419.404.000	
2	Cơ sở sản xuất và cung cấp nước sạch	m3						
a	Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh		-665.000	13.402.000	52	696.904.000	696.239.000	
3	Cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch	đồng						
a	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Bắc Hà Tĩnh		-3.310.000	900.000.000	1%	9.000.000	5.690.000	
4	Cơ sở sản xuất công nghiệp	m3						
a	Công ty Gang thép Hưng nghiệp Formosa			23.985.449	50	1.199.272.450	1.199.272.450	
b	Tổng công ty khoáng sản và Thương mại Hà Tĩnh			32.616	50	1.630.800	1.630.800	
	Tổng cộng		566.155.000			6.194.803.250	6.760.958.250	

IV Kế hoạch chi tiền cho bên cung ứng DVMTR

TT	Bên cung ứng DVMTR	Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Diện tích quy đổi theo hệ số K (ha)	Đơn giá chi trả	Tổng cộng	Ghi chú
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]	[7]
I	Chủ rừng là tổ chức	23.108	20.152	671.832	6.024.728.513	
1	Ban QLRPH sông Ngân Phố	3.402	3.402	600.000	2.041.140.000	
2	Ban QLRPH sông Ngân Sâu	5.686	4.833	35.916	173.585.000	
3	Công ty TNHH MTV LN&DV Chúc A	14.020	11.917	35.916	428.011.000	
II	Chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn	2.680	2.144			
1	Xã Hương Lâm - H.Khê	984	787	65.510	51.569.288	
2	Xã Hương Vĩnh - H.Khê	532	426	65.510	27.880.956	
3	Xã Hương Liên - H.Khê	1.164	931	65.510	61.002.694	
III	Các đối tượng khác					
1	Ban quản lý khu bảo tồn thiên nhiên Kê Gõ (Trồng cây khu vực xung quanh hồ Kê Gõ)				300.000.000	
2	Chi thực hiện ra soát lưu vực, xác định diện tích bên cung ứng DVMTR (do Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng chủ trì)				600.000.000	

3	Chi trồng cây xanh, cây bóng mát, cây cảnh quan môi trường, cây phân tán cho các xã NTM và khu đô thị trên địa bàn tỉnh (do Chi cục kiểm lâm thực hiện)				1.320.771.812	
4	Chi trồng cây xanh, cây bóng mát, cây cảnh quan môi trường, cây phân tán trên địa bàn huyện Kỳ Anh, thị xã Kỳ Anh và khu công nghiệp (do Chi cục Kiểm lâm thực hiện)				1.020.767.763	

Phụ lục 04

V Dự toán chi phí quản lý Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung chi	Dự kiến kinh phí	Chi chú
	Tổng cộng	676.095.825	
1	Chi phụ cấp cho HĐQT, Ban Kiểm soát Quỹ, Ban Điều hành Quỹ, Tổ giúp việc HĐQT Quỹ	130.000.000	
2	Chi phí quản lý ủy thác cho Quỹ Quỹ ĐTP	202.828.748	Theo quy định tại Điều 18 Quyết định 48/2013/QĐ-UBND ngày 8/8/2013 của UBND tỉnh .
3	Kinh phí tổ chức Kiểm tra, giám sát, quản lý đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân (Hạt Kiểm lâm Hương Khê)	15.000.000	
4	Kinh phí kiểm tra, giám sát; tập huấn; công tác phí, hội nghị; thanh tra; kiểm toán; tuyên truyền, quảng bá của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng	328.267.078	

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

